TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST Ngày 14-6-2021 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Quốc Phong

2. Ông Nguyễn Bá Phượng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

1-***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị Thu H**- sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: Khu 05, xã C (nay là P, xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay: Khu 06, xã Sơn Tình, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2-***Bị đơn***: A **Lưu Tuấn A**- sinh năm 1980; nơi ĐKHKTT: Khu 05, xã C (nay là khu P, xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 2, trại giam T, cục C10, bộ Công an; địa chỉ: xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị H và A Lưu Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/3/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh A tại khu 05, xã C (nay là khu P, xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa

thuận hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A nghiện ma túy, không chịu khó lao động, dẫn tới vợ chồng thường xảy ra nói cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ ngày 10/5/2015, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Năm 2019, anh A phạm tội liên quan tới ma túy và bị xử phạt tù, hiện đang chấp hành án tại trại giam T. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Hương G- sinh ngày 08/4/2009, Lưu Thiên K- sinh ngày 24/6/2010. Hiện con chung ở cùng chị H. Nếu ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ah A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/4/2021, bị đơn là A Lưu Tuấn A trình bày: anh A tự nguyện kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H ngày 23/8/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là xã H), huyện C, tỉnh phú Thọ. Quá trình chung sống đến tháng 5/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A sử dụng ma túy và vợ chồng sống ly thân. Tháng 01/2019, Anh A phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh A đồng ý ly hôn, vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H đã trình bày. Ly hôn, Anh A đồng ý để chị H trực tiếp nuôi 02 con chung và A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lưu Anh A.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lưu Hương G- sinh ngày 08/4/2009, Lưu Thiên Kỳ- sinh ngày 24/6/2010. anh Lưu Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị H và Anh A là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là Anh A có nơi cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn là Anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và Anh A đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của các đương sự cho thấy, chị H, Anh A tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/3/2008, có đăng ký tại UBND xã C (nay là xã H), huyện C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do Anh A nghiện ma túy, không tu chí lao động chăm lo cho gia đình dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay, chị H về ở với bố mẹ đẻ của chị tại khu 06, xã S, huyện C và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị H, Anh A thống nhất ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy 02 con chung của chị H và Anh A đã trên 7 tuổi, đều có nguyện vọng được ở với chị H và kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung đã được chị H nuôi dưỡng, bảo đảm được cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chung. Còn Anh A đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Tân Lập. Do vậy, hai bên thống nhất giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, Anh A không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lưu Anh A.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Lưu Hương G - sinh ngày 08/4/2009, Lưu Thiên K - sinh ngày 24/6/2010 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). A Lưu Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. A Lưu Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003484 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng

mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho A Đạo hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã H;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng